

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-10-2021

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2010, Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2021, Thông báo (Về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm) số 20/TB-TA ngày 24/6/2021, số 33/TB-TA ngày 13/7/2021 và Thông báo (V/v mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai) số 28/TB-TA ngày 27/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Trúc L, sinh năm xx.

Địa chỉ: Số a, tổ b, khóm c, Phường m, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn L1, sinh năm yy.

Địa chỉ: Số d, tổ e, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 kết hôn vào ngày 06/02/2015. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/2/2015. Thời gian

sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ ngày 06/5/2020. Thời gian xa nhau không có hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 17/12/2015. Hiện con chung đang sống với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn, anh Nguyễn Văn L1 có địa chỉ xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn L1. Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn anh L1 có mặt tại nơi cư trú nhưng anh L1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh L1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị L và anh L1 được xác lập vào năm 2015, do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh L1, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L1 không có mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ trình bày về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh L1 có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sống xa nhau thời gian dài từ tháng 05/2020 nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ

chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L được ly hôn với anh L1.

[3] Xét con chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn L1 có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 17/12/2015. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Trần Ngọc H, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng. Anh L1 không có văn bản ghi ý kiến và tại phiên tòa hôm nay anh L1 cũng không có mặt để trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Ngọc Hân từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với chị L, có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, cháu Ngọc Hân còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, chị L được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Trần Ngọc H là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con và trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L1 vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trúc L, chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

2. Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trúc L, chị L được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 17/12/2015, hiện con chung đang sống với chị L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007729 ngày 04/3/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân